

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Nội vụ số 02/2004/QĐ-BNV
ngày 15/01/2004 về việc phê
duyet bản Điều lệ của Tổng
hội Xây dựng Việt Nam.**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

*Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày
20 tháng 5 năm 1957 quy định về quyền
lập Hội;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP
ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính
phủ quy định về tổ chức, hoạt động và
quản lý Hội;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP
ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội
vụ;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch Tổng hội Xây
dựng Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức
phi chính phủ,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ của
Tổng hội Xây dựng Việt Nam đã được
Đại hội Đại biểu toàn quốc ngày 28
tháng 11 năm 2003 thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau
15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Tổng hội Xây dựng
Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi

chính phủ chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
Thủ trưởng

Đặng Quốc Tiến

**ĐIỀU LỆ Tổng hội Xây dựng Việt
Nam.**

Chương I

TÊN GỌI - TÊN CHỈ - MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên gọi là Tổng hội Xây dựng
Việt Nam.

Tên giao dịch: Vietnam Federation
Association of Civil Engineering.

Viết tắt: VIFACE.

Điều 2. Tổng hội Xây dựng Việt Nam
là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện
của các tổ chức Hội chuyên ngành về
xây dựng, Hội Xây dựng tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương, hội viên tập thể
và hội viên của các hội chuyên ngành
hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cùng
nhau đoàn kết phấn đấu góp phần xây
dựng đất nước trong thời kỳ công nghiệp
hóa, hiện đại hóa.

Tổng hội Xây dựng Việt Nam hoạt
động theo nguyên tắc tập trung, dân
chủ, thiểu số phục tùng đa số và hoạt
động theo pháp luật của Nhà nước.

09641372
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 *

Điều 3. Tổng hội Xây dựng Việt Nam hoạt động trên phạm vi cả nước, trụ sở đặt tại Hà Nội, có tư cách pháp nhân, có tài khoản tại Ngân hàng, có con dấu riêng và có cơ quan ngôn luận (báo, tạp chí, ấn phẩm...).

Điều 4. Tổng hội Xây dựng Việt Nam là hội thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

Tổng hội Xây dựng Việt Nam được gia nhập các tổ chức Hội cùng chuyên ngành trong khu vực và quốc tế. Việc gia nhập theo quy định của pháp luật.

Tùy theo tình hình hoạt động, Tổng hội có thể thành lập Văn phòng đại diện ở một số địa phương, việc thành lập theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG HỘI

Điều 5. Tổng hội Xây dựng Việt Nam có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Điều hòa, phối hợp hoạt động của các Hội thành viên trong việc tập hợp, động viên và giúp đỡ các cán bộ chuyên ngành về xây dựng, phát huy truyền thống đoàn kết, thân ái, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, bồi dưỡng kiến thức góp phần đưa ngành Xây dựng Việt Nam từng bước hiện đại, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh;

2. Thực hiện chức năng tư vấn, phản biện, giám định xã hội về xây dựng; tham gia ý kiến về việc xây dựng cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách, pháp luật cũng như các kế hoạch, dự án phát triển khoa học có liên quan đến chuyên ngành xây dựng;

3. Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, lập các dự án ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực xây dựng vào sản xuất và đời sống, tổng kết các vấn đề khoa học công nghệ trong các lĩnh vực xây dựng;

4. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chính sách pháp luật cho hội viên;

5. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các Hội thành viên và hội viên theo đúng Điều lệ Tổng hội và theo quy định của pháp luật;

6. Đại diện cho các Hội thành viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Tổng hội;

7. Được gây quỹ của Tổng hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động;

8. Mở rộng quan hệ hợp tác, trao đổi kinh nghiệm với các tổ chức quốc tế, các tổ chức khoa học kỹ thuật trong và ngoài nước về xây dựng.

Chương III

TỔ CHỨC CỦA TỔNG HỘI

Điều 6. Tổ chức của Tổng hội Xây dựng Việt Nam

Tổ chức và hoạt động của Tổng hội theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải kinh phí.

Tổ chức của Hội bao gồm:

1. Ở Trung ương: Tổng hội Xây dựng Việt Nam.
2. Ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh): Hội Xây dựng tỉnh.
3. Ở cơ sở: Chi hội; các tổ chức cơ sở có từ 5 hội viên trở lên có thể thành lập Chi hội.

Việc thành lập Hội Xây dựng tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật;

Điều 7. Đại hội Đại biểu toàn quốc

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Tổng hội là Đại hội Đại biểu toàn quốc, 5 năm họp một lần. Đại hội họp bất thường khi có ít nhất 2/3 tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Tổng hội hoặc 1/2 số Hội chuyên ngành Xây dựng Trung ương và Hội Xây dựng tỉnh yêu cầu.

Thành phần, số lượng đại biểu dự đại hội do Ban chấp hành Trung ương đương nhiệm của Tổng hội quy định.

Nhiệm vụ của Đại hội:

1. Tổng kết, đánh giá hoạt động của

Tổng hội trong nhiệm kỳ, bàn phương hướng, kế hoạch hành động của nhiệm kỳ mới;

2. Thông qua, sửa đổi Điều lệ (nếu có);
3. Bầu Ban Chấp hành Trung ương và Ban Kiểm tra Tổng hội;
4. Quyết định những vấn đề quan trọng về tôn chỉ mục đích, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng hội.

Điều 8. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội.

1. Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

2. Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 9. Ban Chấp hành Trung ương Tổng hội.

Cơ quan lãnh đạo giữa hai nhiệm kỳ Đại hội là Ban Chấp hành Trung ương Tổng hội. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Tổng hội do đại hội ấn định và trực tiếp bầu. Số lượng Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Tổng hội có thể được bổ sung không quá 20% do Ban chấp hành Trung ương.

Việc bổ sung Ủy viên Ban chấp hành do Ban chấp hành Tổng hội quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương Tổng hội có nhiệm vụ:

1. Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội;

2. Lãnh đạo thực hiện Điều lệ của Tổng hội;

- Phát triển mối quan hệ với các tổ chức trong và ngoài nước, góp phần phát triển Tổng hội;

3. Theo dõi hoạt động các Hội Xây dựng chuyên ngành Trung ương, các Hội Xây dựng tỉnh, các Tiểu ban chuyên môn và các tổ chức khác trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Tổng hội;

4. Bầu Đoàn chủ tịch Tổng hội và Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký;

5. Bầu Ban kiểm tra của Tổng hội;

Ban Chấp hành Trung ương Tổng hội họp định kỳ một năm một lần (trừ trường hợp đột xuất).

Điều 10. Đoàn chủ tịch.

Cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Trung ương Tổng hội là Đoàn chủ tịch, gồm có Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Tổng thư ký và một số ủy viên. Số lượng Đoàn chủ tịch không quá 15% tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Tổng hội.

Đoàn chủ tịch Tổng hội có nhiệm vụ:

1. Lãnh đạo thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Tổng hội giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương Tổng hội;

2. Lập kế hoạch, báo cáo các hoạt động chung theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Tổng hội.

3. Theo dõi hoạt động của các Hội Xây dựng chuyên ngành Trung ương, các Hội Xây dựng ở tỉnh, các Tiểu Ban chuyên môn và các tổ chức khác trực thuộc Tổng hội.

4. Quyết định hình thức khen thưởng và kỷ luật.

5. Quyết định thành lập các Ban chuyên môn, các tổ chức trực thuộc Tổng hội, các tổ chức khoa học công nghệ và dịch vụ. Việc thành lập các tổ chức thuộc hội theo đúng quy định của pháp luật. Đoàn chủ tịch Tổng hội ban hành quy định quy chế riêng về việc tổ chức, hoạt động và quản lý các tổ chức trực thuộc trên cơ sở quy định của pháp luật.

6. Quyết định công nhận hội thành viên của Tổng hội.

Đoàn chủ tịch họp định kỳ 6 tháng một lần. Khi cần thiết theo đề nghị của Chủ tịch và Tổng thư ký, Đoàn chủ tịch có thể triệu tập họp bất thường.

Điều 11. Chủ tịch Tổng hội.

Ban Chấp hành Trung ương Tổng hội bầu ra Chủ tịch trong số các Ủy viên đoàn Chủ tịch. Chủ tịch chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành Tổng hội, Đoàn chủ tịch; điều hành mọi hoạt động của Tổng hội để triển khai các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Đoàn chủ tịch và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Tổng hội.

Trường hợp khi Chủ tịch vắng mặt, nếu cần có thể ủy quyền cho một Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

Điều 12. Phó Chủ tịch Tổng hội

Phó Chủ tịch do Ban chấp hành Trung ương Tổng hội bầu ra, được Chủ tịch Tổng hội phân công lãnh đạo từng mặt hoạt động của Tổng hội.

Điều 13. Tổng thư ký.

Tổng thư ký do Ban chấp hành Trung ương Tổng hội bầu ra, thường trực giải quyết các công việc do Chủ tịch phân công và điều hành mọi hoạt động thường nhật của Tổng hội. Giúp việc Tổng thư ký có Chánh Văn phòng do Tổng thư ký đề nghị Chủ tịch Tổng hội quyết định. Nhiệm vụ Chánh Văn phòng do Tổng thư ký hội phân công.

Điều 14. Ban kiểm tra của Tổng hội

Ban Kiểm tra của Tổng hội có nhiệm vụ giúp Đoàn chủ tịch kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Tổng hội, việc thực hiện các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Tổng hội, giải quyết thủ khiếu tố có liên quan đến các tổ chức thành viên và hội viên.

Ban Kiểm tra của Tổng hội có quyền yêu cầu các Hội thành viên, các tổ chức, đơn vị thuộc Tổng hội và các hội viên báo cáo, trình bày các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra đã được Đoàn chủ tịch Tổng hội quyết định kiểm tra.

Nhiệm kỳ Ban Kiểm tra là 5 năm theo nhiệm kỳ của Tổng hội. Ban Kiểm tra của Tổng hội bao gồm Trưởng ban, Phó ban và một số Ủy viên. Trưởng Ban Kiểm tra là một Ủy viên Đoàn chủ tịch Tổng hội.

Chương IV

HỘI THÀNH VIÊN, HỘI VIÊN

Điều 15. Điều kiện trở thành hội thành viên, hội viên.

Hội thành viên: Các Hội thuộc chuyên ngành Xây dựng ở Trung ương, Hội Xây dựng tỉnh tự nguyện làm đơn xin gia nhập thì được công nhận là hội thành viên. Các Hội thuộc chuyên ngành Xây dựng ở Trung ương có điều lệ riêng, có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng, được thành lập và gia nhập các hội quốc tế và khu vực cùng chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

Hội viên tập thể: Các tổ chức (tổng công ty, viện, trường...) hoạt động trong lĩnh vực xây dựng làm đơn tự nguyện xin gia nhập Tổng hội Xây dựng Việt Nam thì được Tổng hội xem xét công nhận là hội viên tập thể.

Các hội viên: Hội viên của các hội chuyên ngành Xây dựng, làm đơn tự nguyện xin gia nhập Hội thì được Tổng hội xem xét công nhận là hội viên.

Các tổ chức và công dân Việt Nam không có điều kiện trở thành hội viên của Tổng hội nhưng có đóng góp với Hội có thể trở thành hội viên tán trợ, hội viên liên kết của Tổng hội.

Hội viên liên kết hoặc hội viên danh dự không tham gia bầu cử, ứng cử vào Ban lãnh đạo của Tổng hội và không biểu quyết các vấn đề của Tổng hội. Ban chấp hành Tổng hội quy định tiêu chuẩn hội

viên, xem xét đề nghị Ban Thường vụ quyết định việc kết nạp hội viên.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thành viên.

a) Nhiệm vụ:

- Tôn trọng và thực hiện Điều lệ của Tổng hội;

- Tham gia các hoạt động của Tổng hội;

- Tổ chức việc trao đổi kinh nghiệm hoạt động chuyên môn và ứng dụng khoa học công nghệ chuyên ngành xây dựng;

- Định kỳ báo cáo hoạt động của mình lên Tổng hội;

- Đóng hội phí theo quy định.

Các Hội thành viên của Tổng hội Xây dựng được gia nhập các tổ chức Hội cùng chuyên ngành trong khu vực và quốc tế. Việc gia nhập theo quy định của pháp luật;

b) Quyền hạn:

- Đề nghị, thảo luận, phê bình công việc của Tổng hội;

- Đề nghị Tổng hội can thiệp, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Hội, hội viên;

- Giới thiệu người ứng cử và bầu cử Ban chấp hành Hội, Tổng hội;

- Đề nghị Tổng hội khen thưởng;

- Được xin ra khỏi Tổng hội.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền lợi của hội viên

Hội viên có nhiệm vụ:

1. Tôn trọng Điều lệ Tổng hội, nghiêm chỉnh chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Tổng hội. Tuyên truyền phát triển hội viên, vận động quần chúng hưởng ứng mọi hoạt động của Hội, Tổng hội.

2. Chăm lo xây dựng khối đoàn kết nội bộ, để cùng nhau xây dựng ngành Địa chất Việt Nam tiến bộ, từng bước đi lên chính quy, hiện đại;

3. Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, không ngừng nâng cao trình độ khoa học về lĩnh vực xây dựng để góp phần hiện đại hóa ngành Xây dựng Việt Nam;

4. Phát huy nội lực, lòng tự hào dân tộc, tính sáng tạo, tính trung thực của nghề nghiệp, sẵn sàng cống hiến tất cả khả năng, kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn của mình để phục vụ nhân dân; đấu tranh chống những tư tưởng và hành động có hại đến uy tín và nhiệm vụ của Tổng hội.

5. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về các khoa học xây dựng cho quảng đại quần chúng.

6. Tham gia sinh hoạt, tìm đọc, phổ biến thông tin trong các tạp chí và các ấn phẩm do Tổng hội và các Tổ chức liên quan xuất bản để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

7. Đóng hội phí theo đúng quy định.

Hội viên có quyền lợi:

1. Thảo luận và biểu quyết mọi công việc của Tổng hội. Ứng cử, đề cử và bầu ra Ban chấp hành các cấp Tổng hội;

2. Được bồi dưỡng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, chuyên môn và các chủ trương, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng hội;

3. Được trình bày các đề tài nghiên cứu của mình trong các buổi sinh hoạt khoa học kỹ thuật của Hội, Tổng hội để các bạn đồng nghiệp tham gia đóng góp, bổ sung cho đề tài hoàn chỉnh;

4. Được Hội, Tổng hội nhận xét về các công trình của mình, khi cần thiết, được chọn lọc để đề nghị chính quyền khen thưởng, hoặc được công nhận về bảo vệ quyền tác giả, sáng tác.

5. Được giới thiệu đăng tải các công trình nghiên cứu khoa học vào tạp chí, nội san của Tổng hội, các Hội và các tổ chức liên quan;

6. Được Tổng hội và các Hội bảo vệ những quyền lợi hợp pháp, chính đáng trong hoạt động nghề nghiệp.

7. Xin ra khỏi Tổng hội.

Chương V

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 18. Tổ chức và hội viên có thành tích xuất sắc trong công tác sẽ được Tổng hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 19. Tổ chức và hội viên vi phạm những điều sau đây tùy theo mức độ sẽ bị xử lý với các hình thức kỷ luật như: khiển trách, cảnh cáo, xóa tên khỏi danh sách.

Làm tổn hại đến uy tín của Tổng hội.

Vi phạm Điều lệ của Tổng hội.

Chương VI

TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH CỦA TỔNG HỘI

Điều 20. Tài chính của Tổng hội bao gồm:

1. Hội phí của hội thành viên và hội viên do Đoàn chủ tịch Tổng hội quy định;

2. Tiền hỗ trợ của Nhà nước, tiền tài trợ các tổ chức trong, ngoài nước;

3. Các nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ, các hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật;

4. Tài sản, tài chính của Tổng hội được quản lý, sử dụng theo quy định của Đoàn chủ tịch Tổng hội và các quy định, hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính;

5. Khi Tổng hội giải thể thì toàn bộ tài sản của Tổng hội được xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Bản Điều lệ gồm VII Chương và 22 Điều đã được Đại hội Đại biểu toàn quốc Tổng hội Xây dựng thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2003 và có hiệu lực thi

hành kể từ khi được Bộ trưởng Bộ nội vụ phê duyệt.

Điều 22. Chỉ có Đại hội Đại biểu toàn quốc của Tổng hội Xây dựng Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này./.

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 03/2004/TT-BTC ngày 13/01/2004 hướng dẫn kế toán các đơn vị hành chính sự nghiệp thực hiện Luật Ngân sách nhà nước và khoán chi hành chính.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 192/2001/QĐ-TTg ngày 17/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về mở rộng thí điểm khoán biên chế

và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước và Thông tư liên tịch số 17/2002/TTLT-BTC-BTCCBCP ngày 08/02/2002 của Bộ Tài chính và Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) hướng dẫn Quyết định số 192/2001/QĐ-TTg nói trên của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp ban hành theo Quyết định số 999/TC-QĐ-CĐKT ngày 02/11/1996 và các thông tư sửa đổi, bổ sung Quyết định số 999/TC-QĐ-CĐKT của Bộ Tài chính (Thông tư số 184/1998/TT-BTC ngày 28/12/1998 hướng dẫn kế toán quyết toán vật tư, hàng hóa tồn kho, giá trị khối lượng sửa chữa lớn, xây dựng cơ bản hoàn thành ở thời điểm cuối năm; Thông tư số 185/1998/TT-BTC ngày 28/12/1998 hướng dẫn kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp trong các đơn vị hành chính, sự nghiệp; Thông tư số 109/2001/TT-BTC ngày 31/12/2001 hướng dẫn kế toán tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ không hoàn lại);

Để phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách và khoán chi hành chính; Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán trong các cơ quan nhà nước và đơn vị hành chính, sự nghiệp như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

Thông tư này áp dụng cho tất cả các cơ quan nhà nước, đơn vị hành chính, sự